

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Truy, ông Lê Văn Hoàn.

- *Thư K phiên toà*: Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 14/2023/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST – DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị L – Sinh năm: 1986,
Anh Lương Quốc Kh – Sinh năm 1985.

Đều trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn H – Sinh năm 1987,
Bà Trịnh Thị K – Sinh năm: 1960,

Đều trú tại: Thôn 6, xã H, huyện V, tỉnh T.

Anh H, bà K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2023, bản tự khai ngày 11 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè quen biết giữa anh Kh và anh H nên vợ chồng chị L, anh Kh đã cho mẹ con anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K trú tại thôn 6, xã H, huyện V vay số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) vào ngày 06/11/2017 âm lịch (tức ngày 23/12/2017 dương lịch). Khi vay hai bên có thoả thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 1%/tháng, trả lãi hàng tháng. Sau đó, bà K và anh H xin đến hạn trả nợ gốc sẽ trả luôn số tiền lãi phát sinh và vợ chồng chị L, anh Kh đồng ý. Nhưng hết hạn trả nợ đã lâu không thấy mẹ con bà K, anh H trả nợ nên vợ chồng chị L, anh Kh đã đòi nhiều lần nhưng mẹ con anh H, bà K đều khất lần cố tình không trả. Đến ngày 22/12/2020, vợ chồng chị L, anh Kh đã đến tận nhà bà K, anh H để đòi khoản tiền nợ nhưng mẹ con bà K, anh H xin gia hạn nên vợ chồng chị L, anh Kh và anh H, bà K đã thống nhất viết lại giấy vay tiền, nhưng thực tế đây là giấy khất nợ và gia hạn trả nợ với nội dung mỗi tháng mẹ con bà K, anh H phải trả cho vợ chồng chị L, anh Kh 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bắt đầu từ ngày 22/12/2020 nhưng mẹ con bà K, anh H vẫn tiếp tục vi phạm thoả thuận giữa hai bên, cố tình không trả nợ cho vợ chồng chị L, anh Kh. Những lần vợ chồng anh, chị đòi gắt gao thì mẹ con bà K, anh H đã trả cho vợ chồng chị L, anh Kh tổng số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Cụ thể: ngày 08/4/2021 (âm lịch) trả 1.000.000 đồng, ngày 03/5/2021 (âm lịch) trả 2.000.000 đồng, ngày 07/6/2021 (âm lịch) trả 2.000.000 đồng, ngày 14/10/2021 (âm lịch) trả 2.000.000 đồng, ngày 26/3/2022 (dương lịch) trả 1.000.000 đồng, sau đó vợ chồng anh chị vẫn tiếp tục đòi nợ nhưng mẹ con bà K, anh H vẫn khất lần cố tình không trả. Từ đó đến nay mẹ con bà K, anh H không trả nợ cho vợ chồng anh chị nữa mà luôn trốn tránh. Vì mẹ con bà Trịnh Thị K, anh Đỗ Văn H không có thiện chí trả nợ nên chị L, anh Kh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc buộc bà Trịnh Thị K, anh Đỗ Văn H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị L, anh Kh số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên đã thoả thuận lúc vay là 1%/tháng tính từ ngày vay 23/12/2017 cho đến khi trả nợ xong trừ đi số tiền 8.000.000 đồng mà anh H, bà K đã trả.

Bị đơn bà Trịnh Thị K, anh Đỗ Văn H sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của bà K, anh H.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/8/2023, Công an xã H, huyện V, tỉnh T nơi bà Trịnh Thị K, anh Đỗ Văn H đăng K hộ khẩu thường trú cho biết: bà K và anh H có mối quan hệ mẹ, con với nhau. Bà K và anh H đi làm ăn xa hiện nay không có mặt tại địa phương nhưng bà K thường xuyên về địa phương, anh H ít về địa phương hơn so với bà K nhưng thỉnh thoảng cũng về vài ngày rồi lại đi.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/11/2023, chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh H, bà K phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị L, anh Kh số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên đã thoả thuận lúc vay là 1%/tháng tính từ ngày vay 23/12/2017 cho đến khi trả nợ xong trừ đi số tiền 8.000.000 đồng mà anh H, bà K đã trả.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh buộc anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K phải có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho vợ chồng chị L, anh Kh.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị L, anh Kh toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do anh Đỗ Văn H và bà Trịnh Thị K có vay nợ của vợ chồng chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh số tiền là 70.000.000 đồng. Anh H, bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị L, anh Kh khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh H, bà K phải trả số tiền đã vay là 70.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh. Bị đơn anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K, trú tại: Thôn 6, xã H, huyện V, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K đến Tòa án để làm bản tự khai nhưng anh H, bà K không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không có lời khai của anh H, bà K. Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H, bà K không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh H, bà K và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H, bà K theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L, anh Kh có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H, bà K vắng mặt tại phiên toà lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh H, bà K không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K không đến Tòa án làm việc cho dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, căn cứ vào các giấy vay tiền đề ngày 23/12/2017 thể hiện anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K có vay của vợ chồng chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh số tiền là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, thanh toán lãi hàng tháng nhưng đến hạn anh H, bà K không trả được nợ cho vợ chồng chị L, anh Kh. Vì anh H, bà K không trả được nợ nên ngày 22/12/2020 vợ chồng chị L, anh Kh và mẹ con bà K, anh H đã thống nhất viết giấy vay tiền nhưng thực tế đây là giấy khất nợ và gia hạn thể hiện nội dung ngày 06/11/2017 (âm lịch) tức ngày 23/12/2017 (dương lịch) mẹ con bà K, anh H có vay của vợ chồng chị L, anh Kh số tiền là 70.000.000 đồng, mỗi tháng anh H, bà K phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị L, anh Kh số tiền là 5.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 22/12/2020 nhưng mẹ con bà K, anh H vẫn tiếp tục vi phạm hợp đồng thoả thuận giữa hai bên. Khi vợ chồng chị L, anh Kh đòi nợ gắt gao thì mẹ con bà K, anh H trong năm 2021 và năm 2022

mới trả được 05 lần, tổng cộng được 8.000.000 đồng. Như vậy, khăng định hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng chị L, anh Kh và mẹ con bà K, anh H là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi. Bà K, anh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Do đó, chị L, anh Kh yêu cầu anh H, bà K phải trả nợ cho vợ chồng chị L, anh Kh số tiền gốc đã vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Giao dịch dân sự giữa vợ chồng chị L, anh Kh và mẹ con bà K, anh H trong giấy vay nợ đề ngày 23/12/2017 thể hiện lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Vì bà K, anh H không trả được nên hai bên đã thống nhất gia hạn bằng giấy vay tiền đề ngày 22/12/2020, với nội dung mỗi tháng anh H, bà K phải trả cho vợ chồng chị L, anh Kh 5.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 22/12/2020. Nên khăng định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi. Tại mặt sau của giấy vay tiền đề ngày 23/12/2017, thể hiện anh H đã trả cho vợ chồng chị L, anh Kh tổng số tiền là 8.000.000 đồng vào các năm 2021 và năm 2022. Bà K, anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của chị L, anh Kh buộc bà K, anh H phải trả lãi suất theo mức lãi suất mà hai bên đã thoả thuận lúc vay là 1%/tháng tính từ ngày vay 23/12/2017 đến ngày xét xử trừ đi số tiền 8.000.000 đồng mà anh H, bà K đã trả là phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Từ ngày 23/12/2017 đến 23/11/2023 là 71 tháng = $70.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 71 \text{ tháng} = 49.700.000 \text{ đồng}$ (bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Quá trình vay nợ, mẹ con bà K, anh H đã trả cho vợ chồng chị L, anh Kh số tiền là 8.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền lãi bà K, anh H còn phải trả là $49.700.000 \text{ đồng} - 8.000.000 \text{ đồng} = 41.700.000 \text{ đồng}$ (bốn mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi mẹ con bà Trịnh Thị K, anh Đỗ Văn H phải trả cho vợ chồng chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh là $70.000.000 \text{ đồng} + 41.700.000 \text{ đồng} = 111.700.000 \text{ đồng}$ (một trăm mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh được chấp nhận nên bà Trịnh Thị K, anh Đỗ Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Tuy bà Trịnh Thị K là người cao tuổi (63 tuổi), nhưng bà K không có đơn xin miễn tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 nên bà K không được miễn tiền án phí theo quy định của Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 210, Điều 220, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh về việc buộc anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K phải có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và 41.700.000 đồng (bốn mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi. Tổng số tiền anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K phải trả cho chị Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh là: 111.700.000 đồng (một trăm mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 24/11/2023, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc anh Đỗ Văn H, bà Trịnh Thị K phải nộp 5.585.000 đồng (Năm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Vũ Thị L, anh Lương Quốc Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0004865 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang